

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNST

Ngày: 21/01/2019

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông *Dương Minh Dũng*.

2. Bà *Đỗ Thị Lệ Hằng*.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Hương* – Thư ký
Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
tham gia phiên tòa: Bà *Hồ Thị Huệ Sương* – Kiểm sát viên

Ngày 21/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố
Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 613/2018/TLST- HNGĐ
ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định
hoãn phiên tòa số: 301/2018/ QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2018, giữa các đương
sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1983. (Có mặt)

ĐKTT: 12/12 Đường A, phường B, quận N, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông **Hồ Quốc Th**, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

ĐKTT: 12/12 Đường A, phường B, quận N, thành phố Cần Thơ.

NHẬN THẤY:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn – bà Trương Thị T trình
bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hồ Quốc Th tự nguyện tìm hiểu và tiến
tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường
Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ vào ngày 24/11/2010. Quá
trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn không
nhiều, nguyên nhân chính yếu để quyết định yêu cầu giải quyết ly hôn là do bà bị
hiền muộn nên không thể có con dẫn đến áp lực cuộc sống gia đình ngày càng
lớn. Cả hai đã không còn sự quan tâm chia sẻ với nhau gần 01 năm nay. Bà

đã nhiều lần tìm cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm đã thật sự rạn nứt không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Th.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Phía bị đơn – ông Hồ Quốc Th: Ông Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như xét xử. Do đó, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo quy định tại điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do phía bị đơn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hòa giải được mà phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bà T vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày trước đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu ly hôn với ông Th; về con chung, tài sản chung và nợ chung thì không có.

Phía ông Th vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án: Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp. Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà T và ông Th là vợ chồng, có con chung, có tài sản chung, có nợ chung. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*”. Mặc khác, bị đơn ông Th có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận N, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về phần thủ tục*: Ông Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như tham dự phiên tòa. Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt trực tiếp, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt với ông Th là cơ sở.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông Th là nguyên tắc hôn nhân, thời gian vắng chung sống gần hai mươi năm, hôn nhân phát sinh. Hôn nhân chủ yếu là do không có con nên áp lực ngày càng nhiều, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống, hiện nay cả hai đã ly thân. Mặc dù vậy, bà T vẫn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả. Nay bà T thay đổi tình cảm không còn yêu chồng và muốn giải quyết ly hôn với ông Th. Ông Th được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông cũng không đến dự phiên hòa giải cũng như tham dự phiên tòa chỉ vì ông cũng không thích tham gia với hôn nhân này. Vì vậy, yêu cầu giải quyết ly hôn của bà T là cơ sở để chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Không có.

[5] *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về nợ chung*: Không có.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên nhân phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tiếp nhận vụ kiện và xử lý,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà Trương Thị T đối với ông Hồ Quốc Th.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001823 ngày 18/09/2018 thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục án hoặc trích lục án được niêm yết tại địa phương./.

Trong trường hợp bị đơn không kháng cáo thì hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì hành án dân sự được thi hành an dân sự ngay lập tức. Bị đơn phải thi hành án dân sự theo quy định thỏa thuận thi hành án, quyết định của thi hành án, thi hành án theo quyết định của thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + VKSND Q. Ninh Kiều;
- + Chi Cục THADS Q. Ninh Kiều;
- + UBND phường Thường Thạnh,
Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

TRẦN THỊ HỒNG GẮM